

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (báo cáo đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/04/2018 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- TV.HDQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

**Người được ủy quyền
công bố thông tin**

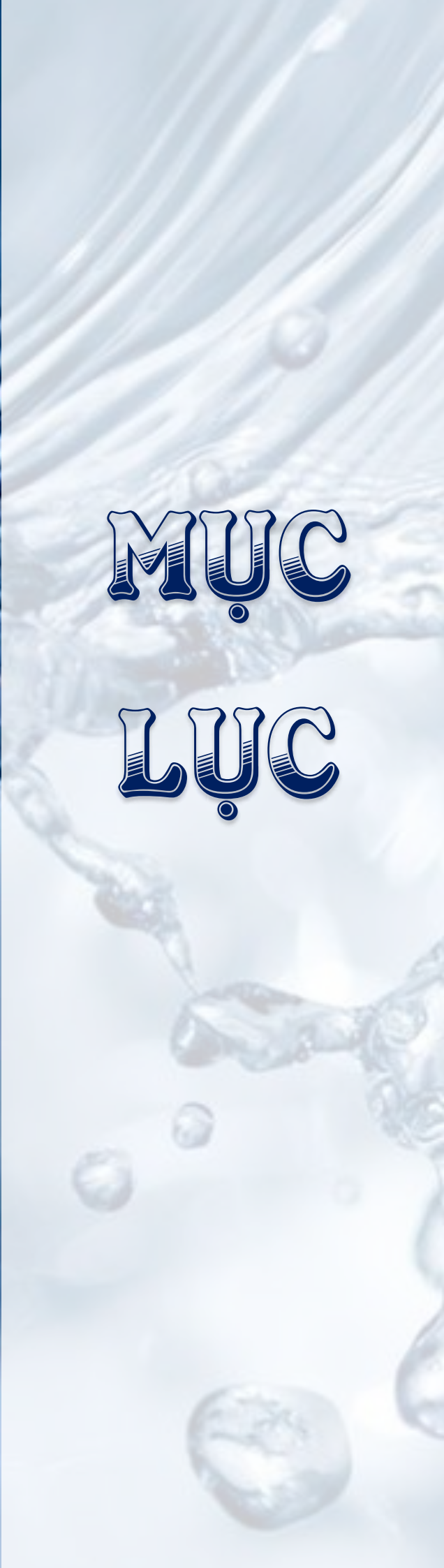

Lê Duy Diệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



2017

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC

The background of the page is a dynamic splash of water, with various droplets and bubbles in shades of light blue and white. The water appears to be moving from the top left towards the bottom right, creating a sense of motion and freshness. The overall aesthetic is clean and modern.

01 THÔNG TIN CHUNG

17 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

37 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

51 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

59 QUẢN TRỊ CÔNG TY

73 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017



01

THÔNG TIN CHUNG

- ❖ **Thông tin khái quát**
- ❖ **Quá trình hình thành và phát triển**
- ❖ **Các thành tích đạt được**
- ❖ **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- ❖ **Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý**
- ❖ **Định hướng phát triển**
- ❖ **Các rủi ro**





THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Tên viết tắt

DOWACO

Mã cổ phiếu

DNW

Vốn điều lệ

1.000.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

Số 48 Cách mạng tháng 8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại

(0251) 384 3316

Fax

(0251) 384 7149

Email

capnuocdongnai@dowaco.vn

Website

www.dowaco.vn

Giấy CNĐKDN

3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp
ngày 29/12/2014

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993

Công ty cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000 m³/ngày lên 36.000 m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của TP. Biên Hòa.

Năm 1990 là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty khoan cấp nước và thành lập mới Công ty cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

1990

1987

Thành lập Xí nghiệp khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³ /ngày.

Công ty khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740 m³ /ngày.

1977

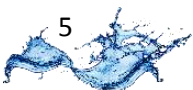
1967

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000 m³/ngày. Tổng công suất là 16.500 m³/ngày.

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450 m³/ ngày.

1928

 DNW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Ngày 09/03, cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UPCoM với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03 DNW lần đầu giao dịch trên UPCoM với giá đóng cửa cuối phiên là 17,000 đồng/cổ phiếu. Tổng công suất khai thác năm 2016 đạt 308.101 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 hộ.

2016

2015

CTCP Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức CTCP. Năm 2015, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 hộ.

CTCP Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

2014

2005

Tổng công suất khai thác đạt 135.348 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III

1996



DNW





CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



STT	Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
1	Số 1336/QĐ-UBND ngày 09/05/2016	Bảng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 - 2015
		Cờ thi đua	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015



STT	Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
2	Số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bảng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai
		Khánh vàng	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI - 2016



	Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
3	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Bảng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 - 2017.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).

Địa bàn kinh doanh

Công ty cấp nước Đồng Nai hiện đang sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, rộng khắp các huyện thuộc tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận.



THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

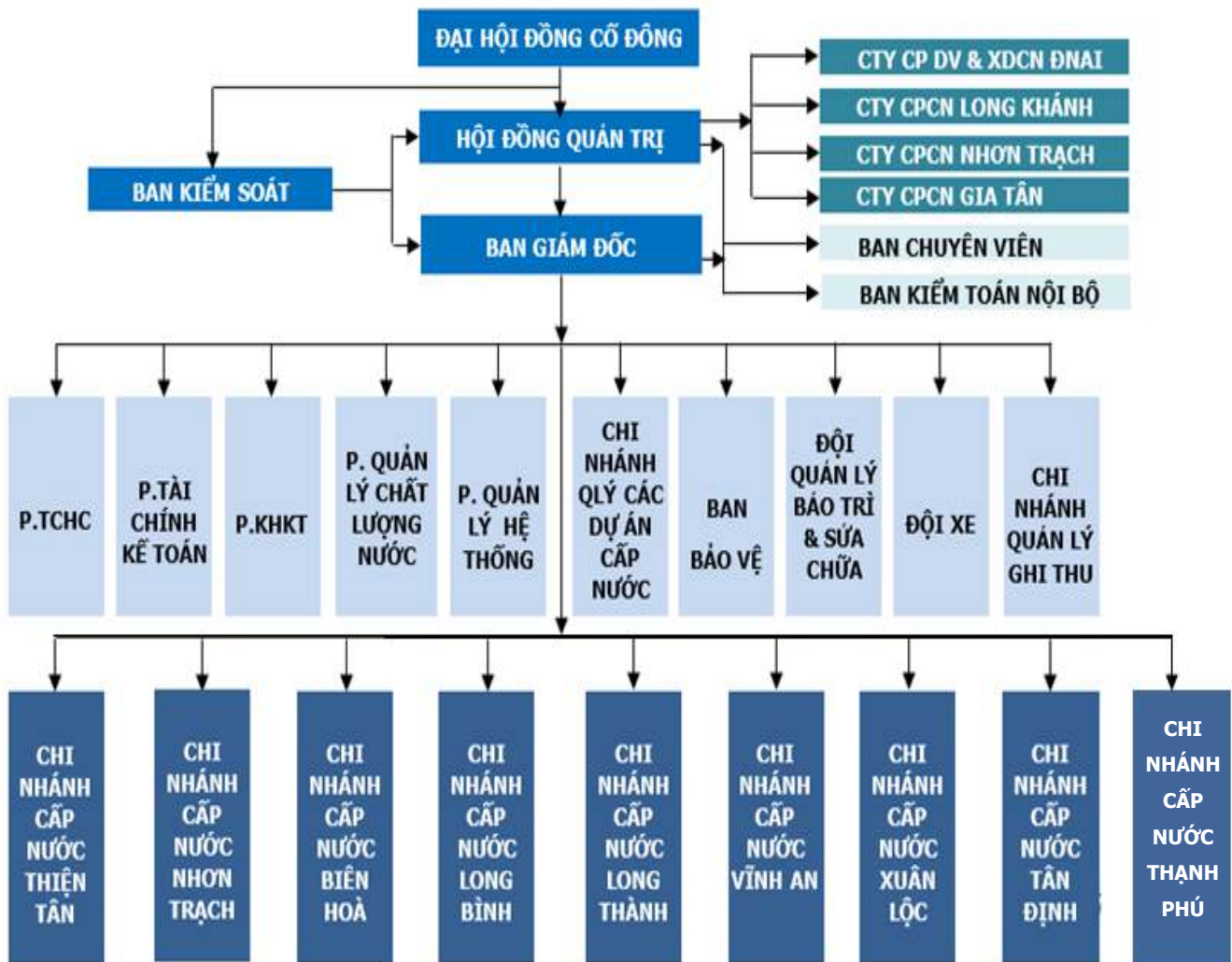
Mô hình quản trị

Ngày 05/09/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai thành Công ty cổ phần;

Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015, căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.



Sơ đồ tổ chức

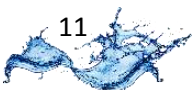




ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.





Các dự án phát triển nguồn:

Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày.

Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày.

Dự án HTCN Vĩnh Cửu, công suất 15.000m³/ngày.

Các dự án phát triển mạng lưới cấp nước:

- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 2).
- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 1).
- Hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (tuyến ống).
- Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trị An, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom (giai đoạn 2)
- Nâng công suất nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày.
- Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành
- Hệ thống cấp nước Bình Sơn, huyện Long Thành.
- Đầu tư mở rộng, cải tạo hệ thống cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 10% vào năm 2020, nâng tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99% vào năm 2020.
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, áp dụng hình thức quản lý hệ thống chạy trên nền công nghệ Hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Đồng Nai gắn liền với cộng đồng.



Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước GDP đạt 6,81 %, là mức cao nhất trong 10 năm qua. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng CPI khoảng 3.53%. Chỉ số lạm phát cơ bản tăng 1,41% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam đã có sự khởi sắc và đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Đây được xem là tín hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai nói riêng tiếp tục phát triển và đưa ra những chiến lược mới nâng cao vị thế của mình. Tuy nhiên, ngành cấp thoát nước không chỉ gắn liền với tình hình kinh tế mà còn các chính sách quản lý của Nhà nước, trình độ công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như nguồn nước thô và chi phí nguyên vật liệu đầu vào.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, các yếu tố kinh tế vĩ mô không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt của doanh nghiệp do nước được xếp vào dạng hàng hóa sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Vì thế, việc thường xuyên theo dõi và nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế là điều bắt buộc đối với doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành cấp thoát nước nói riêng.



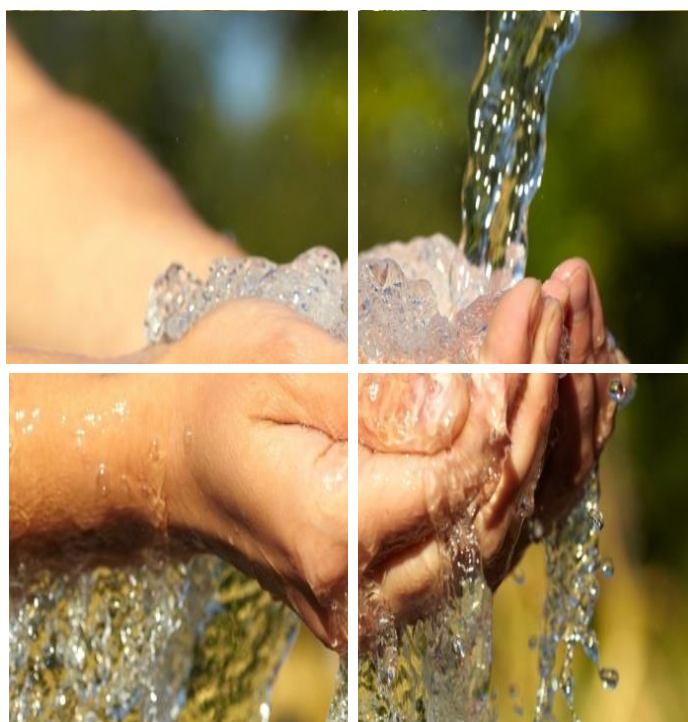


Rủi ro do tỷ lệ thất thoát nước cao

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn. Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống trên 30 năm sử dụng nên tình trạng đường ống nước bị vỡ khiến nước bị rò rỉ hoặc chảy tràn lan ra ngoài là điều dễ thấy. Ngoài ra còn có cả sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Công ty chủ yếu sử dụng nguyên liệu đầu vào là nguồn nước mặt, nước ngầm tự nhiên được khai thác từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui,... Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn vì vậy không thể không nhắc đến rủi ro từ điều kiện tự nhiên khi nguồn nước thô bị thay đổi. Quá trình xử lý nước cũng như sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gặp phải những sự trở ngại lớn nếu có sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô như nước bị nhiễm mặn, ô nhiễm hay lượng nước giảm mạnh. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng gia tăng nhưng mặt trái của nó là hiện tượng bê tông hóa bề mặt đất, làm thu hẹp diện tích bổ sung nước từ nguồn nước mưa cho mạch nước dưới đất, giảm khả năng tái tạo nguồn nước ngầm bị khai thác từ đó có thể gây nên sự thiếu hụt nguồn nước thô trong tự nhiên. Chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.





Rủi ro luật pháp

Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Hơn nữa, hệ thống Luật và các văn bản dưới Luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và thường được thay đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2017, với việc ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017, công ty gặp phải những khó khăn trong hoạt động quản trị, tổ chức bộ máy và áp dụng văn bản luật vào thực tế. Do đó, đòi hỏi công ty cần phải có sự nghiên cứu, tìm tòi cũng như cập nhật kịp thời những thay đổi Pháp luật mới nhất được ban hành.



Tuy nhiên, có thể thấy mặt tích cực từ những thay đổi này tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn. Để kịp thời điều chỉnh các văn bản pháp lý và hoạt động của công ty theo đúng định hướng và khuôn khổ của pháp luật đòi hỏi công ty phải có sự tìm hiểu, nghiên cứu và thường xuyên cập nhật Luật và các văn bản dưới luật của Nhà nước ban hành.

Rủi ro về giá cả

Do nước sạch là mặt hàng thiết yếu và vẫn do Nhà nước kiểm soát giá nên Công ty không thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hoà lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường nên có khả năng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về thất thoát nước luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty. Tuy chịu sự quản lý gắt gao của Nhà nước nhưng bù lại với những hợp đồng dài hạn, đầu ra của sản phẩm và doanh thu của công ty vẫn được ổn định.

Rủi ro về biến động tỷ giá ngoại tệ

Các dự án Hệ thống cấp nước có giá trị lớn cần phải được đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA với thời gian vay dài, lãi suất thấp. Tuy nhiên do tỷ giá tiền yên Nhật Bản hoặc won Hàn Quốc so với đồng Việt Nam có biến động (ngoài khả năng quản trị của Công ty) nên ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh.

Rủi ro khác

Năm 2017 được xem là năm của những kỉ lục thiên tai với các hiện tượng EI Nino, La Nina diễn biến phức tạp, phá vỡ mọi quy luật của thời tiết, khiến mưa lũ diện rộng, bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện nhiều, đặc biệt không thể không nhắc đến ảnh hưởng lớn của cơn bão Damrey lên toàn khu vực Nam Trung Bộ, gây thiệt hại nặng nề và khó khăn đáng kể trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Những rủi ro như thiên tai nói trên và các rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh tuy hiếm xảy ra nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các Công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đó là những rủi ro bất khả kháng, không thể loại trừ, gây tổn hại rất lớn đến tính mạng, sức khỏe của con người và tổn thất đến tài sản, tình hình hoạt động, kinh doanh của Công ty. Tuy không thể loại bỏ những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật tin tức chính trị, thời tiết, xã hội,... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, để kịp thời chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về con người và tài sản ở mức thấp nhất.

The background of the slide features a close-up, high-angle shot of clear blue water with concentric ripples. In the upper left corner, a sharp, vibrant green leaf is partially visible, extending towards the center. The overall composition is clean and fresh, suggesting a focus on nature or environmental themes.

02

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

- 
- ❖ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
 - ❖ **Tổ chức và nhân sự**
 - ❖ **Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án**
 - ❖ **Tình hình tài chính**
 - ❖ **Cơ cấu cổ đông**
 - ❖ **Báo cáo phát triển bền vững**



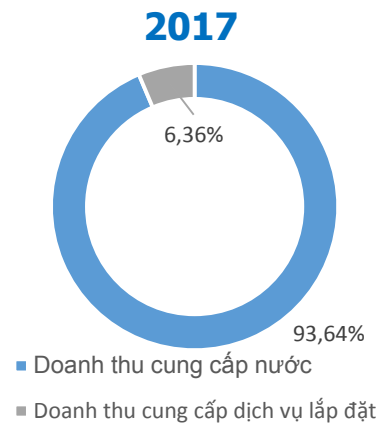
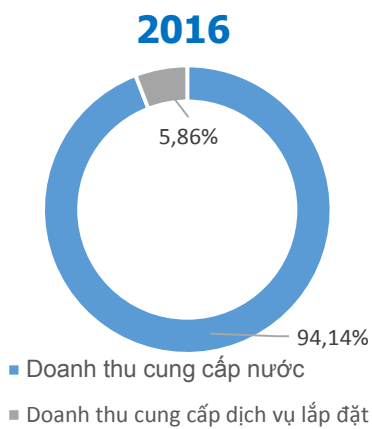
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

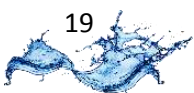
Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu cung cấp nước	843.497	94,14%	894.299	93,64%
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	52.513	5,86%	60.728	6,36%
Tổng cộng	896.010	100,00%	955.027	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Dowaco



Trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam năm 2017 đã có những bước khôi phục khá ổn định sau những khó khăn chạm đáy từ năm 2012, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã hoàn thành kế hoạch được triển khai và đó là nguồn động lực để Công ty tiếp tục đề ra những phương án phát triển mới góp phần củng cố vị thế và vươn lên trong tương lai. Dưới sự quan tâm chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, tổng doanh thu năm 2017 đạt 955,027 tỷ đồng, vượt kế hoạch 15,09%. Trong đó, doanh thu cung cấp nước vẫn là nguồn chiếm tỉ trọng cao của Công ty bên cạnh doanh thu từ hoạt động cung cấp lắp đặt dịch vụ.



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017
LN gộp cung cấp nước	368.760	319.570
LN gộp cung cấp dịch vụ lắp đặt	(7.708)	1.747
Tổng cộng	361.052	321.317

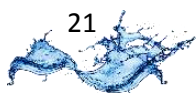
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Dowaco

Trong năm 2017, số lượng khách hàng của Công ty tăng và từ đó, sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ tăng đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai đồng bộ việc sử dụng phần mềm ghi chỉ số nước bằng smartphone, đưa vào sử dụng hóa đơn điện tử và mở rộng các kênh thu tiền nước, không thu tiền nước tại nhà nhằm tăng cường quản lý, giám sát, rút ngắn thời gian cập nhật dữ liệu chỉ số nước sử dụng của khách hàng, dòng tiền thu về Công ty nhanh. Tuy nhiên, khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty: 96,383 tỷ đồng khiến lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 59,663 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chia cổ tức không đạt được mục tiêu dự kiến. Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 156,046 tỷ đồng.



Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện của các Công ty con và Công ty liên kết

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Công ty CPCN Nhơn Trạch			Công ty CPCN Long Khánh			Cty cổ phần Dịch vụ & XDCN		
			KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ %	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ %	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước										
a	Sản lượng nước sản xuất	1000 m³	14.685	15.961	108,69	3.976	4.089	102,84	4.713,2	4.955,1	105,1
	- Nước sạch sản xuất	"	4.332	4.904	113,2	3.976	4.089	102,84	4.255	4.392,7	103,24
	- Nước thô	"	1.725	1.693	98,15				458,2	562,4	122,75
	- Nước mua qua đồng hồ	"	8.628	9.364	108,53						
b	Sản lượng ghi thu	1000 m³	13.806	14.928	108,13	3.220	3.329	103,38	3.885,8	4.155,4	106,9
	- Nước ghi thu sản xuất	"	3.953	4.370	110,55	3.220	3.329	103,38	3.441,4	3.609,4	104,88
	- Nước ghi thu nước thô	"	1.656	1.647	99,49				444,4	546,0	122,86
	- Nước ghi thu qua mua đồng hồ	"	8.197	8.910	108,7						
2	Tỉ lệ thất thoát	%	5,99	6,48		19	18,59		17,6	16,1	
a	Sản xuất nước sạch	"	8,75	10,88		19	18,59		19,1	17,8	
b	Sản xuất nước thô	"	4	2,69		19	18,59		3,0	2,9	
c	Mua qua đồng hồ	"	5	4,85							
3	Doanh thu	Tr/ đồng	143.097	163.190	114,04	33.248	44.716	134,49	87.600	113.545	129,6
a	Sản xuất nước máy	"	136.097	151.288	111,16	27.048	28.172	104,16	27.600	31.539,3	114,3
	- Sản xuất nước sạch	"	54.046	45.495		27.048	28.172	104,16	25.600	29.082,2	113,6
	- Sản xuất nước thô	"			7.413				2.000	2.457,1	122,86
	- Mua qua đồng hồ	"	82.052	98.381	119,9						
b	Xây lắp	"	3.000	2.655		5.000	15.230	304,61	60.000	81.352,1	135,59
c	Doanh thu nước đóng chai, doanh thu khác	"				1.000	375	37,46			
d	Doanh thu hoạt động tài chính	"	4.000	4.982	124,6	200	356	178,23		653,6	
4	HIỆU QUẢ SXKD	"	25.300	26.532,6	104,8	8.550	8.608	100,68	8.500	11.524,4	135,58
5	CÁC KHOẢN NỘP NS	"	8.693	9.707	111,7	5.000	5.196	103,93	6.000	8.227,4	137,12
6	THU NHẬP BÌNH QUÂN	"	10.5	13.6	129,5	8,5	10,2	120	10,4	12	115,38





Danh sách ban điều hành

Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bính	Phó giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó giám đốc
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch ban điều hành

Ông Phan Hùng – Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15.035.200 (15,04%)

Đại diện nắm giữ: 15.000.000 cổ phần (15%)

Sở hữu cá nhân: 35.200 cổ phần (0,04%)

Ông Nguyễn Xuân Thịnh – Phó Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư CNTT

Quá trình công tác:

- 2004 – 04/2014: Phó Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 2008 – 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Nhơn Trạch
- 05/2014 – 12/2014: Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.200 cổ phần (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần (0,01%)

Ông Nguyễn Văn Bính – Phó Giám đốc

Năm sinh 1960

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác:

- 07/2005 – 03/2014: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Long Khánh
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.035.700 cổ phần (10,04%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 35.700 cổ phần (0,04%)

Ông Lê Duy Diệp - Phó Giám đốc

Năm sinh 1959

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán tổng hợp

Quá trình công tác:

- 04/2004 – 03/2014: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.005.500 (10,01%)

Đại diện nắm giữ: 10.000.000 cổ phần (10%)

Sở hữu cá nhân: 5.500 cổ phần (0,01%)

Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng

Năm sinh 1969

Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- 02/2001 – 03/2014: PP. TCKT Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 04/2014 – 12/2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
- 01/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 28.800 cổ phần (0,03%)

Đại diện nắm giữ: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 28.800 cổ phần (0,03%)

Thay đổi nhân sự Ban điều hành: Không có

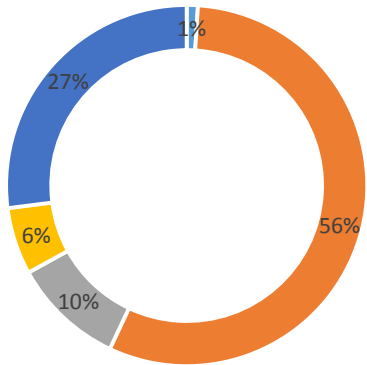
Số lượng cán bộ nhân viên năm 2017

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	946	100%
1	Trình độ trên đại học	13	1%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	529	56%
3	Trình độ trung cấp	90	10%
4	Công nhân kỹ thuật	55	6%
5	Lao động phổ thông	259	27%
II	Theo loại Hợp đồng lao động	928	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	727	78%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	201	22%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0%
III	Theo giới tính	946	101%
1	Nam	634	67%
2	Nữ	312	33%

Thu nhập bình quân người lao động

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)
1	2013	757	9.300.000
2	2014	873	9.500.000
3	2015	927	9.700.000
4	2016	935	10.200.000
5	2017	946	10.800.000

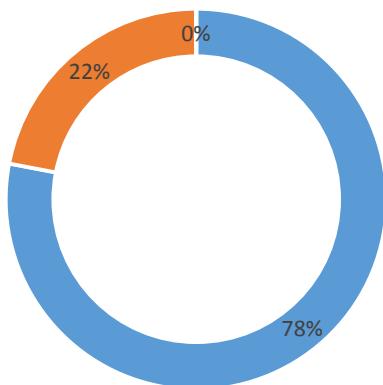
Theo trình độ lao động



- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông



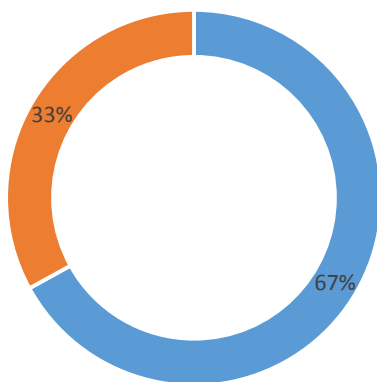
Theo loại Hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)



Theo giới tính



- Nam
- Nữ



Chính sách đối với người lao động

Môi trường làm việc

Với chiến lược phát triển hiện nay, Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai xác định yếu tố "con người" sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Công ty.

Đi đôi với việc bảo đảm lợi ích các cổ đông thông qua duy trì chính sách cổ tức tốt thì vấn đề người lao động sẽ được Công ty đầu tư đúng mức, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm gắn bó với Công ty, thông qua việc xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp minh bạch rõ ràng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng, kỷ luật nghiêm minh.

Trước đây, khu vực riêng dành cho nhân viên như: khu vệ sinh, đồng phục, phục vụ ăn giữa ca,... gần như ít được quan tâm. Từ những năm qua tại mỗi Công ty con và các chi nhánh, Công ty đã bố trí và đầu tư khu vệ sinh, bãi xe, hỗ trợ suất ăn giữa ca tại chỗ,...nhằm đem lại sự thoải mái và tăng sự gắn bó với người lao động.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Về đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài.

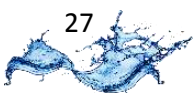
Ngay cả các nhân sự cấp cao cũng luôn tự trau dồi các kỹ năng lãnh đạo cần thiết, đặc biệt là các chương trình đào tạo về mặt quản trị Công ty nhằm nâng cao năng lực cán bộ quản lý, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

Các chương trình đào tạo được chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất nước,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra.



Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học. Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất và trách nhiệm của người lao động, Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề. Cụ thể qua các năm như sau:

Năm 2017

- Ban hành Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng cho Người lao động tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai theo Quyết định số 24/QĐ-CN ngày 27/02/2017 của Giám đốc Công ty.
- Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, đào tạo, xét nâng lương và nâng bậc tay nghề của Người lao động tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, gồm có 08 Chương 24 Điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2017 (theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 22/03/2017).

Năm 2018

Quyết định số 09/QĐ-CN ngày 05/01/2018 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh mức lương, mức phụ cấp, thang lương, bảng lương cho NLD theo mức lương tối thiểu vùng.

Chính sách khen thưởng

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty thưởng cho người lao động nhân dịp các ngày Lễ lớn như: Tết nguyên đán, Tết Dương lịch, Lễ 30/04 và Quốc tế lao động 01/05, Lễ Quốc khánh 2/9.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả những người lao động thuộc diện bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn tham gia bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu giảm giá theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên

Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát theo chế độ.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

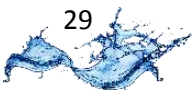
Đầu tư tài chính Đầu tư góp vốn để thành lập Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân.

Đầu tư dự án

Hiện nay Công ty đang thực hiện rất nhiều các dự án phát triển nguồn như xây dựng nâng công suất các nhà máy xử lý nước và các dự án phát triển mạng lưới cấp nước các phường, các huyện trong tỉnh Đồng Nai. Một số dự án trọng điểm của Công ty như sau:

Dự án HTCN Thiện Tâm (giai đoạn 2)

- Mục đích dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiện Tâm hiện hữu nhằm đáp ứng được nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dịch vụ công cộng và các khu công nghiệp tập trung tại xã Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu), TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.
- Quy mô, công suất: Đầu tư mở rộng nhà máy nước Thiện Tâm (giai đoạn 2) công suất từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện dự án: 2008 - 2018
- Tình hình thực hiện dự án:
 - Công trình khởi công vào ngày 25/6/2015.
 - Hiện nay nhà thầu Kumho đang khẩn trương thi công các hạng mục còn lại của công trình dưới sự giám sát của Công ty tư vấn Dohwa – Hàn Quốc; khối lượng thi công đạt khoảng 95%. Dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động vào đầu quý II/2018.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiện Tâm hiện hữu 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dịch vụ công cộng và các KCN tại xã Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu), TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.
- Dòng tiền thu về dự án: Dự án đang triển khai thực hiện
- Nguồn vốn đầu tư:
 - 67% vốn vay ODA Chính phủ Hàn Quốc.
 - 33% vốn đối ứng.

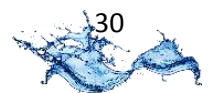


Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2)

- Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch.
- Quy mô, công suất: Nâng công suất hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện: 2015 - 2021
- Tình hình thực hiện dự án: Dự án đang trong giai đoạn thiết kế chi tiết và chuẩn bị sơ tuyển xây lắp.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới hoàn toàn hệ thống cấp nước có công suất 100.000m³/ngày với các hạng mục sau: trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô, nhà máy xử lý, các tuyến ống chuyển tải nước sạch, các trạm bơm tăng áp để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch.
- Dòng tiền thu về dự án: Dự án đang thực hiện
- Nguồn vốn đầu tư:
 - 85% vay ODA Nhật Bản.
 - 15% vốn đối ứng

Dự án Hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Cửu, công suất 15.000m³/ngày:

- a) Mục tiêu chính của dự án: Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất, và các hoạt động khác thuộc khu vực các xã Thạnh Phú, Thiện Tân, Bình Hòa, Tân Bình và Bình Lợi của huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- b) Quy mô: công suất 15.000m³/ngày.
- c) Tiến độ thực hiện: năm 2014 – 2017.
- d) Quy mô đầu tư: Xây dựng các hạng mục sau:
 - + Công trình thu – Trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô, thiết bị trộn.
 - + Nhà máy xử lý gồm: cụm xử lý (bể phản ứng, bể lắng Lamén, bể lọc nhanh, bể chứa nước sạch, trạm bơm nước sạch), các hạng mục phụ trợ (nhà hóa chất, bể nén bùn, nhà để máy ép bùn, đường ống kỹ thuật, đường nội bộ, nhà để máy phát điện dự phòng, hệ thống điện, trạm biến áp 800KVA); và Tuyến ống chuyển tải và phân phối nước sạch (5.252m ống gang D500; 492m ống HDPE D225; 1.055m ống HDPE D180; 55m ống thép D500 và 35m ống thép D150).
- e) Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư cho dự án gồm vốn hợp pháp của Công ty và vốn vay thương mại.
- f) Thời gian thực hiện: 2014–2017
- g) Tình hình thực hiện dự án: Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng theo Báo cáo số 158/BC-TTTV ngày 31/10/2017. Hiện đang lập hồ sơ quyết toán dự án.



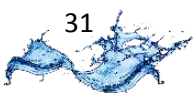


Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2017/ Năm 2016
Tổng giá trị tài sản	3.422.789	3.702.029	108,16%
Doanh thu thuần	895.735	954.970	106,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	88.735	59.895	66,76%
Lợi nhuận khác	1.575	(231)	-
Lợi nhuận trước thuế	91.296	59.663	65,35%
Lợi nhuận sau thuế	73.552	48.002	65,26%

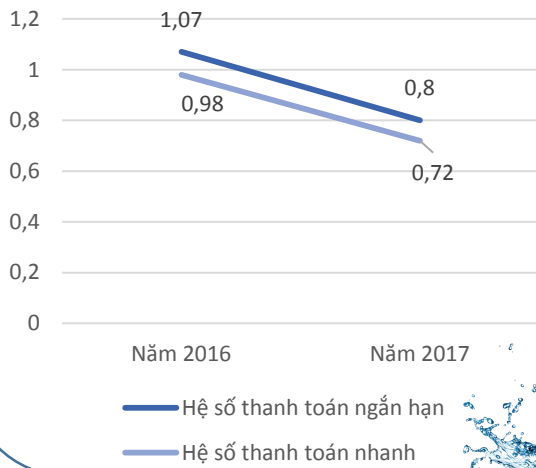
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của DOWACO

Một số chỉ số tài chính chủ yếu

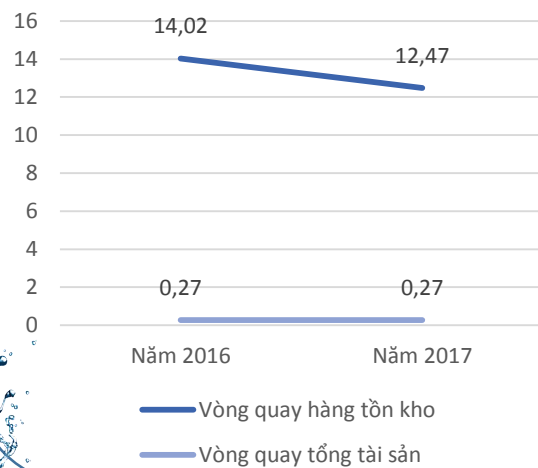
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	0,80
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,98	0,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,57	1,85
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,02	12,47
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	8,21	5,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	5,52	3,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,19	1,38
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	10,02	6,27



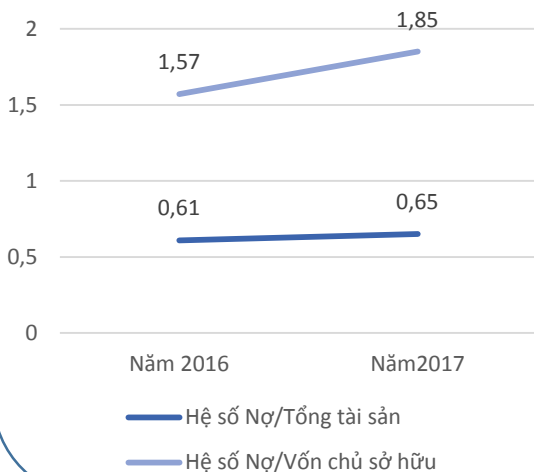
Khả năng thanh toán



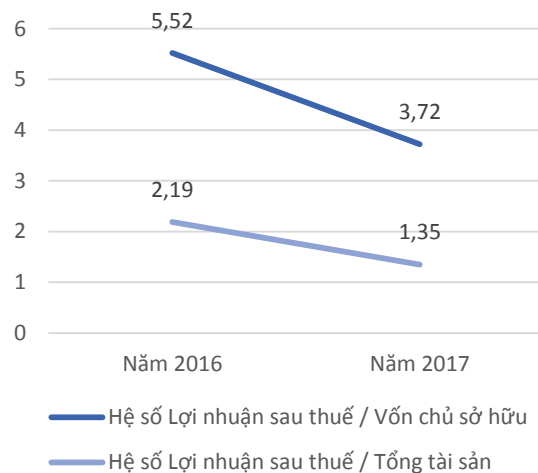
Năng lực hoạt động



Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời





Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 100.000.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 100.000.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 05/07/2017)

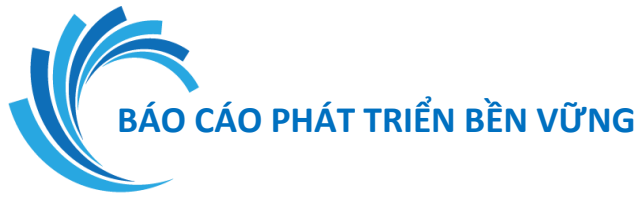
STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
	Cổ đông trong nước	912	100.000.000	1.000.000.000.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	1	63.989.100	639.891.000.000	63,989%
2	Cổ đông tổ chức	3	30.783.633	307.836.330.000	30,784%
3	Cổ đông cá nhân	908	5.227.267	52.272.670.000	5,227%
	TỔNG CỘNG	912	100.000.000	1.000.000.000.000	100%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11 Ngô Văn Trị, P.Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	15.000.000	150.000.000.000	15,00%
3	Công Ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Duong, Viet Nam	15.780.833	157.808.330.000	15,78%
Tổng cộng			94.769.933	947.699.330.000	94,77%





Đôi với kinh tế

Các cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty.

Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế trong địa phương và cả nước.

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Năm 2016 vừa qua, mặc dù lợi nhuận sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch nhưng do lỗi chênh lệch tỷ giá làm cho lợi nhuận trước thuế không đạt sự tăng trưởng lợi nhuận như mong đợi, nhưng DOWACO vẫn chia cổ tức năm 2016 như kế hoạch đề ra là 6%. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty luôn cố gắng nỗ lực hết sức để thực hiện các kế hoạch đề ra, nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông.



Đối với môi trường

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.



Đối với cộng đồng, xã hội

Công ty đóng góp xây dựng Nhà tình thương "**Vạn tâm lòng vàng**", ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, đóng góp quỹ "**Vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam**", giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng...





03

**BÁO CÁO
BAN GIÁM ĐỐC**

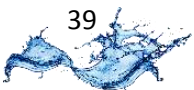
- 
- A close-up, high-speed photograph of water splashing, creating a dynamic and energetic background. The water is captured in various stages of motion, with droplets and bubbles visible, set against a dark, blurred background. The overall color palette is dominated by deep blues and teals, with highlights from the water's surface.
- ❖ **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
 - ❖ **Tình hình tài chính**
 - ❖ **Các tiến bộ Công ty đã đạt được**
 - ❖ **Kế hoạch kinh doanh năm 2018**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH 2017/KH 2017	% TH 2017/TH 2016
1	Tổng tài sản	3.323.686	-	3.591.536	-	108,06%
2	Tổng doanh thu	825.991	824.000	852.826	103,50%	103,25%
3	Doanh thu thuần từ BH & CCDV	805.690	-	852.798	-	105,85%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	64.522	-	30.761	-	47,68%
5	Lợi nhuận khác	1.846	-	(217)	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	66.368	-	30.544	-	46,02%
7	Lợi nhuận sau thuế	55.327	99.800	26.215	26,27%	47,38%
8	Tỷ lệ cổ tức	6%	7%	3,5%	50,00%	58,33%

Nguồn: Báo tài chính riêng năm 2017 của DOWACO





ĐÁNH GIÁ SWOT



strengths

Điểm mạnh

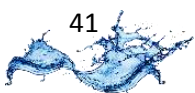
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam tương đối ổn định. Đồng Nai là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều khu dân cư, khu CN, và khu kinh tế thương mại đang được hình thành và phát triển cùng với đó là hạ tầng kỹ thuật cấp nước cũng được phát triển theo.
- Nhu cầu thị trường ngày càng tăng và ổn định.
- Môi trường chính trị xã hội ổn định.
- Được sự quan tâm của UBND tỉnh Đồng Nai đối với những công trình cấp nước dân sinh và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt qui hoạch cấp nước của Công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



weaknesses

Điểm yếu

- Chất lượng đường ống cấp nước còn nhiều khu vực kém chưa được thay thế.
- Quản lý hệ thống chưa chặt chẽ nên tỉ lệ thất thoát nước còn cao.
- Cơ chế giá bán nước máy chưa linh hoạt. Giá bán nước máy do các cấp có thẩm quyền ở địa phương thẩm định phê duyệt, khi chi phí SXKD tăng cao giá bán nước máy chưa được điều chỉnh kịp thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chưa được áp dụng công nghệ thông tin hiện đại quản lý hệ thống cấp nước của doanh nghiệp địa bàn rộng lớn, .
- Có bộ phận trong doanh nghiệp nhân lực còn nhiều, sắp xếp chưa hợp lý.
- Nhiều thiết bị sản xuất nước còn tiêu tốn nhiều điện năng.
- Thiếu vốn trong đầu tư mở rộng phát triển mạng lưới cấp nước.





opportunities

Cơ hội

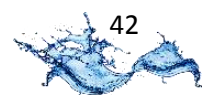
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam tương đối ổn định. Đồng Nai là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều khu dân cư, khu CN, và khu kinh tế thương mại đang được hình thành và phát triển cùng với đó là hạ tầng kỹ thuật cấp nước cũng được phát triển theo.
- Nhu cầu thị trường ngày càng tăng và ổn định.
- Môi trường chính trị xã hội ổn định.
- Được sự quan tâm của UBND tỉnh Đồng Nai đối với những công trình cấp nước dân sinh và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt qui hoạch cấp nước của Công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



threats

Thách thức

- Nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm, nguồn nước ngầm ngày càng bị cạn kiệt.
- Đường ống lâu năm dễ bị xì bể hư hỏng.
- Thất thoát nước có thể tăng cao.
- Nguy cơ nợ quá hạn và sự biến động thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế làm tỉ giá ngoại tệ tăng cao dẫn đến chênh lệch tỉ giá đối với khoản nợ vay nước ngoài.
- Khó khăn trong công tác đền bù giải tỏa để làm dự án cấp nước.
- Nguy cơ các hộ dân tái lấn chiếm đất trên các tuyến ống cấp nước.





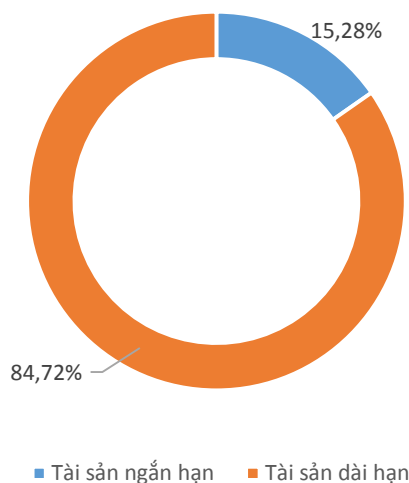
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

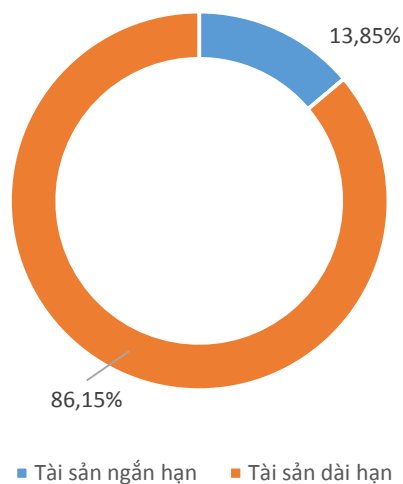
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% 2017/2016
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	523.109	512.841	98,04%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	2.899.680	3.189.188	109,98%
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.422.789	3.702.029	108,16%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của DOWACO

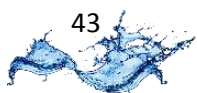
Năm 2016



Năm 2017



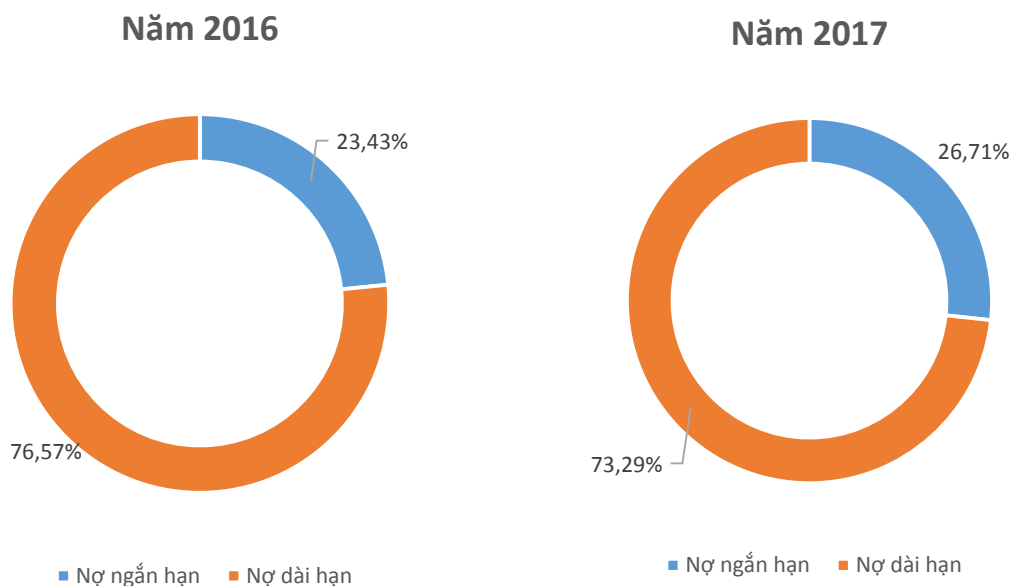
Tổng tài sản năm 2017 tăng 8,16% so với năm 2016, đạt giá trị hơn 3,702 tỷ đồng. Theo đó, Công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu sử dụng tài sản ngắn hạn rất thấp so với tài sản dài hạn. Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch nên giá trị tài sản cố định luôn duy trì ở mức cao.



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% 2017/2016
Tổng nợ	Triệu đồng	2.089.613	2.403.040	115,00%
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	489.656	641.808	131,07%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.599.958	1.761.232	110,08%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.333.176	1.298.989	97,58%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.422.789	3.702.029	108,16%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của DOWACO

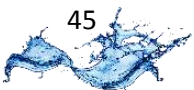


Tổng nguồn vốn Công ty năm 2017 tăng 8,16% so với năm trước. Sự tăng trong nguồn vốn chủ yếu xuất phát từ các khoản vay tài chính ngắn và dài hạn. Các khoản vay được sử dụng chủ yếu cho việc bổ sung nguồn vốn phục vụ các dự án nhà máy nước và nâng cấp các tuyến ống cấp nước hiện có. Theo đó, các khoản mục nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt tăng 31,07% và 10,08% so với cùng kỳ năm trước.



CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) đã thực hiện công tác đánh giá hệ thống quản lý chất lượng ISO 17025 và cấp giấy chứng nhận.
- Các đơn vị đã rà soát lại định biên lao động, áp dụng theo mức lương mới để thực hiện khoán lương trong năm 2018.
- Trong năm 2017 nhận 15.700 phiếu đăng ký sử dụng nước. Thực hiện đo đạc khảo sát các hộ dân cư, đơn vị kinh doanh, hành chính sự nghiệp trên địa bàn thành phố để ký hợp đồng sử dụng nước mới là 14.833 hộ khách hàng.
- Phòng Tài chính Kế toán và các đơn vị trực thuộc đã rà soát các chi phí điện năng, hóa chất, chi phí sửa chữa nhỏ tại các đơn vị. Tổng hợp trình Giám đốc hợp thống nhất mức khoán các chi phí trên để triển khai thực hiện cho năm 2018.
- Phòng Tổ chức - Hành chính, CN Quản lý ghi thu và các đơn vị đã thực hiện các thủ tục pháp lý và nhân sự thành lập tổng đài chăm sóc khách hàng (call center) và danh mục thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai.



- Xây dựng nội dung, lập lưu đồ 03 danh mục triển khai thực hiện tại Trung tâm hành chính công bao gồm: Thủ tục cung cấp thông tin, thỏa thuận về nguồn cấp nước, vị trí đầu nối cho các dự án đầu tư; Thủ tục khách hàng có nhu cầu đầu nối hệ thống cấp nước cho các dự án đầu tư; Thủ tục khách hàng có nhu cầu lắp đặt hệ thống cấp nước và đồng hồ với nhu cầu sử dụng nước $\geq 150\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Triển khai đồng bộ sử dụng phần mềm ghi chỉ số nước bằng Smartphone nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát, rút ngắn thời gian cung cấp số liệu, gửi phiếu thông báo tại thời điểm ghi chỉ số cho khách hàng, cập nhật dữ liệu kịp thời phục vụ công tác nhờ thu (giảm thời gian khách hàng thanh toán từ 4 ngày xuống còn 1 ngày kể từ ngày nhận giấy báo).
- Thực hiện liên kết với các Ngân hàng trong tỉnh Đồng Nai về thu hộ tiền nước để hỗ trợ cho khách hàng thanh toán được tiện lợi như: VietinBank, Vietcombank, BIDV, HDBank, AnbinhBank, Agribank, Sacombank, Bưu điện, Viettel, Payoo, VNPAY.

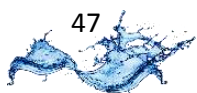


Phần mềm Hóa đơn điện tử hoạt động ổn định, chưa có khách hàng khiếu nại về sai sót, khách hàng đã quen việc tải hóa đơn và truy cập trang web (cskh.dowaco.vn) của Công ty. Thực hiện dịch vụ thanh toán tự động từ tài khoản của khách hàng ngay khâu đầu tiên (kê khai nộp phiếu đăng ký sử dụng nước), dịch vụ tin nhắn thông báo: tiền nước, lịch cúp nước cho khách hàng... và khoanh vùng những khu vực thu tiền nước tại nhà đối với khách hàng là người già, neo đơn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2018

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	880.000
	- Sản xuất nước	Tr.đồng	839.000
	- Xây lắp	Tr.đồng	30.000
	- Hoạt động khác	Tr.đồng	11.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	150.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	122.200
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	48.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	336.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8





Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2018

Về điều hành quản lý sản xuất:

- Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở các biện pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống cấp nước.
- Quản lý vận hành tốt các nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào. Điều hòa áp lực giữa các nhà máy khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất tiêu hao.
- Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.
- Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chất lượng đảm bảo theo quy chuẩn Việt Nam QCVN01: 2009/BYT của Bộ Y tế.
- Thực hiện ISO/IEC 17025:2005 về quản lý chất lượng.

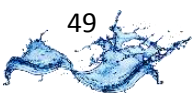
Về quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

Về công tác chống thất thoát nước và thực hiện các dự án đầu tư

- Tiếp tục thay thế đồng hồ của các hộ dân cư sử dụng trên 5 năm.
- Thay thế các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE theo kế hoạch được duyệt năm 2018; Cải tạo thay thế mạng lưới cấp nước hiện hữu uPVC và ống sắt tráng kẽm các loại. Đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

- Thay thế các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE theo kế hoạch đề ra; Các tuyến ống cấp nước và đồng hồ của các hộ dân khu vực còn lại của HTX Long Biên; Thay thế các đồng hồ đã sử dụng trên 5 năm, trong công tác thi công thay thế tuyến ống cấp nước cần cắt bỏ tuyến ống cấp nước cũ ngay sau khi đấu nối vào mạng.
- Đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với tư vấn Dohwa kiểm tra, giám sát đôn đốc việc thi công của nhà thầu Kumho và các nhà thầu phụ. Dự kiến hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng dự án HTCN Thiện tâm (giai đoạn 2) vào đầu quý II năm 2018.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn tự có. Khi thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước, cần tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải như công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn, việc tính toán tổng mức đầu tư và hiệu quả đầu tư.
- Phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các trường hợp tái lấn chiếm đất của tuyến ống cấp nước, quyết toán chi phí bồi thường, quyết toán vốn đầu tư; kiểm toán của dự án Nhon Trạch (giai đoạn 1).






- Đôn đốc tư vấn, nhà thầu thực hiện các dự án theo đúng tiến độ; phối hợp với nhà thầu và các đơn vị có liên quan xử lý các vướng mắc về mặt bằng trong quá trình thi công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2).
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư tại Trung tâm các huyện và các dự án cấp nước sạch nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh.
- Các Công ty Cổ phần, các chi nhánh trực thuộc, phòng, ban, bộ phận nghiệp vụ cần tập trung phát triển khách hàng, đầu tư mở mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực quản lý hệ thống cấp nước; chấn chỉnh việc thi công lắp đặt đồng hồ và cải tạo, sửa chữa tuyến ống trong thời gian qua. Đề ra các biện pháp thi công và quản lý để đạt tiến độ, chất lượng công trình; tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện việc chống thất thoát nước (tại nhà máy sản xuất, trong quá trình sản xuất, trong thi công lắp đặt, trong việc kiểm tra, thay thế, sửa chữa thiết bị, quản lý công tác ghi chỉ số...).
- Tiếp tục tăng cường phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Trảng Bom, huyện Long Thành, Nhơn Trạch, các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa và khu vực xã Thiện Tân, Thạnh Phú.
- Lập kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước khi dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn II) đi vào hoạt động đầu quý II năm 2018 góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường đồng thời giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác.
- Triển khai thực hiện công trình Xây dựng trạm xử lý bùn cho nhà máy nước Biên Hòa.



04

**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 
- ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty**
 - ❖ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành**
 - ❖ **Định hướng kế hoạch năm 2018**

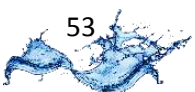


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại ích cho cổ đông. Công ty luôn nỗ lực xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu của mình, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.

Mọi hoạt động của công ty được tiến hành theo điều lệ và quy chế quản trị của Công ty. Từng bước rà soát lại và xây dựng quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng. DOWACO luôn xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh và xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.



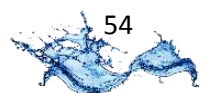


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Ban Giám đốc có một năm làm việc hiệu quả khi điều hành và chỉ đạo việc thực hiện kết quả kinh doanh đạt hiệu quả tốt. Ban Giám đốc triển khai thực hiện công tác theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển theo đúng định hướng đề ra, đảm bảo lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên theo dõi, giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, cụ thể như:

- Thông qua các cuộc họp và các báo cáo định kỳ, Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
- Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

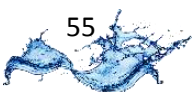




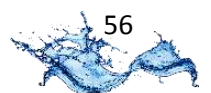
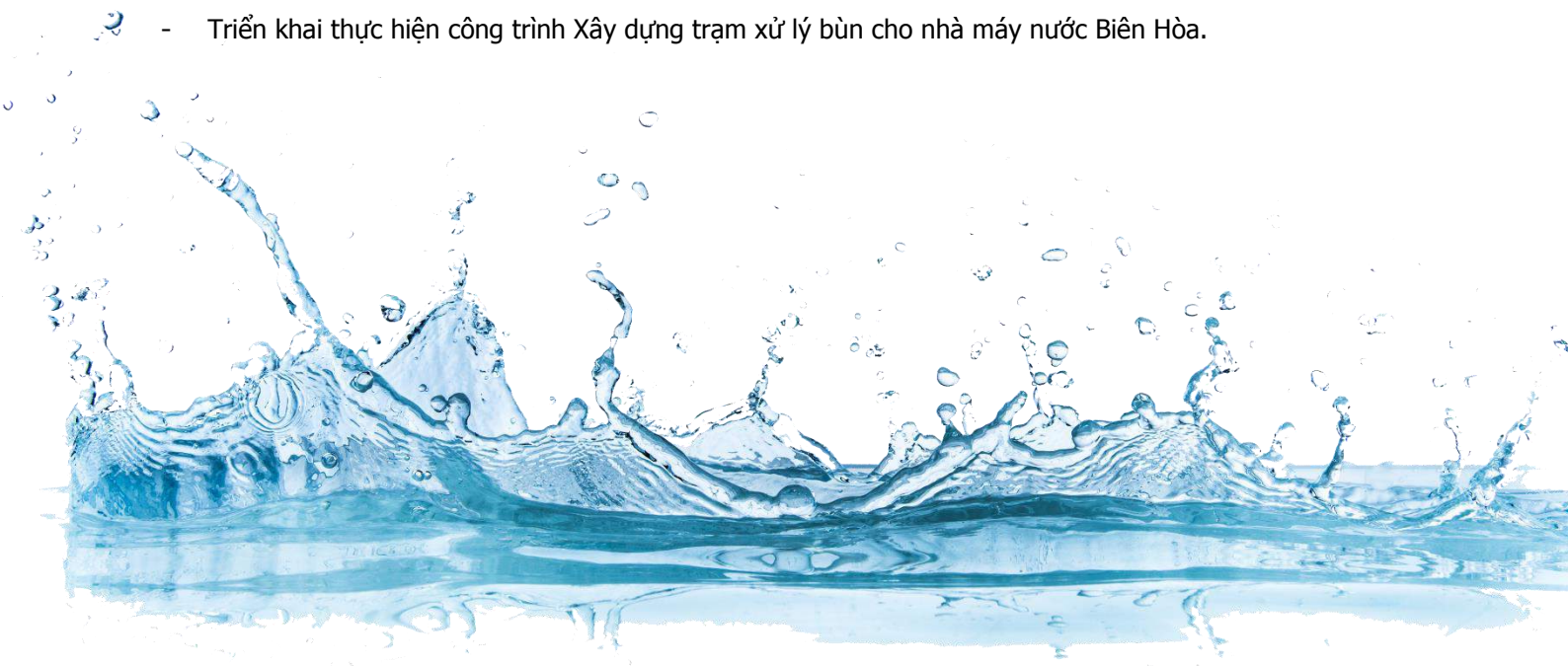
ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2018

Về hoạt động sản xuất - kinh doanh

- Đẩy nhanh tiến độ thi công thay thế các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE theo kế hoạch năm 2018, các tuyến ống cấp nước và đồng hồ của các hộ dân khu vực còn lại của HTX Long Biên; Thay thế các đồng hồ đã sử dụng trên 5 năm, trong công tác thi công thay thế tuyến ống cấp nước cần cắt bỏ tuyến ống cấp nước cũ ngay sau khi đấu nối vào mạng.
- Đẩy nhanh tiến độ, phối hợp với tư vấn Dohwa kiểm tra, giám sát đơn đốc việc thi công của nhà thầu Kumho và các nhà thầu phụ. Dự kiến dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) sẽ hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng vào đầu quý II năm 2018.
- Đối với dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2): Phối hợp với các cơ quan ban ngành huyện, xã tiến hành kiểm đếm thực tế, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các tuyến ống nhánh của dự án; Hoàn chỉnh Hồ sơ thiết kế chi tiết; Hồ sơ sơ tuyển trình thẩm tra, thẩm định, phê duyệt; Tổ chức sơ tuyển lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu xây lắp và triển khai các bước tiếp theo của dự án.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn tự có. Khi thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước, cần tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải như công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn, việc tính toán tổng mức đầu tư và hiệu quả đầu tư.
- Phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các trường hợp tái lấn chiếm đất của tuyến ống cấp nước, quyết toán chi phí bồi thường, quyết toán vốn đầu tư; kiểm toán của dự án Nhơn Trạch (giai đoạn 1).



- Các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ tiếp tục kiểm tra, đôn đốc tư vấn, nhà thầu thực hiện các dự án theo đúng tiến độ; phối hợp với nhà thầu và các đơn vị có liên quan xử lý các vướng mắc về mặt bằng trong quá trình thi công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2).
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư tại Trung tâm các huyện và các dự án cấp nước sạch nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh.
- Các Công ty Cổ phần, các chi nhánh trực thuộc, phòng, ban, bộ phận nghiệp vụ cần tập trung phát triển khách hàng, đầu tư mở mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực quản lý hệ thống cấp nước; chấn chỉnh việc thi công lắp đặt đồng hồ và cải tạo, sửa chữa tuyến ống trong thời gian qua. Đề ra các biện pháp thi công và quản lý để đạt tiến độ, chất lượng công trình; tăng cường chỉ đạo, triển khai thực hiện việc chống thất thoát nước (tại nhà máy sản xuất, trong quá trình sản xuất, trong thi công lắp đặt, trong việc kiểm tra, thay thế, sửa chữa thiết bị, quản lý công tác ghi chỉ số...).
- Tiếp tục tăng cường phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Trảng Bom, huyện Long Thành, Nhơn Trạch, các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa và khu vực xã Thiện Tân, Thạnh Phú.
- Các phòng ban chuyên môn lập kế hoạch các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước khi dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn II) đi vào hoạt động đầu quý II năm 2018 góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường đồng thời giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác.
- Triển khai thực hiện công trình Xây dựng trạm xử lý bùn cho nhà máy nước Biên Hòa.



Các công tác khác

- Tiếp tục triển khai phát động phong trào thi đua: Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong vận hành các nhà máy nước, trong công tác quản lý ở từng bộ phận.
- Tổ chức các hội nghị: Hội nghị sơ kết quý IV năm 2017; Hội nghị người lao động năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018; Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Thực hiện các công tác: Báo cáo kiểm kê tài sản cuối năm; Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2018; Kiểm toán độc lập; Chia cổ tức năm 2017; Ban hành quy chế quản trị Công ty.
- Tiếp tục rà soát, đề xuất và đưa ra các giải pháp để chuẩn bị cho việc khoán chi phí trong quản lý, điều hành tại các chi nhánh trực thuộc, dự kiến thời gian thực hiện: Quý I năm 2018 (rà soát lại việc vận hành dây chuyền công nghệ, thu thập ý kiến góp ý phản ánh, hoàn chỉnh các thủ tục, quy chế về các định mức khoán tiền lương, điện năng, hóa chất và chi phí duy tu bảo dưỡng thiết bị). Quý II năm 2018 (thực hiện việc khoán các chi phí cho từng đơn vị). Quý III năm 2018 (rà soát, đánh giá, sửa đổi bổ sung và hoàn chỉnh quy chế khoán để áp dụng cho toàn Công ty).



- Triển khai đi vào hoạt động: Tổng đài chăm sóc khách hàng (Call Center), xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng tạo niềm tin giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty; Đào tạo nhân sự làm việc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai.
- Tiếp tục phát triển các kênh nhờ thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán. Thực hiện không thu tiền nước tại nhà dứt điểm cuối quý I năm 2018 (trừ những hộ già, neo đơn được Giám đốc phê duyệt), đề ra giải pháp thu đối với các hộ khách hàng khó khăn đặc biệt. Ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hoàn thiện chất lượng dịch vụ. Tiếp tục rà soát, chuyển đổi khách hàng theo mục đích sử dụng nước để tăng doanh thu.
 - Các Công ty cổ phần trực thuộc nghiên cứu, áp dụng các nội dung công việc tại Công ty mẹ đã triển khai như: Thực hiện hóa đơn điện tử, không thu tiền nước tại nhà, thu tiền nước qua các kênh nhờ thu, phần mềm lập bảng chiết tính, quản lý vật tư... nâng cao chất lượng dịch vụ, kế hoạch cấp nước an toàn...
 - Ban Bảo vệ, các phòng ban, đơn vị, chi nhánh trực thuộc duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản của Công ty, đơn vị, tài sản của nội bộ trong Công ty và khách hàng liên hệ công tác. Thường xuyên nhắc nhở ý thức tuân thủ nội quy làm việc tại Công ty cho CB.CNV.
 - Tập trung nâng cao, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ kế cận đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn nghiệp vụ... để lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục và ổn định theo đúng định hướng.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 
- ❖ **Hội đồng quản trị**
 - ❖ **Ban kiểm soát**
 - ❖ **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban kiểm soát**



Thành viên

Họ và tên	Chức vụ
Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT
Phan Hùng	Thành viên HĐQT
Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT
Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT
Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

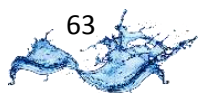
Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện 10 (mười) cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch	01/01/2015	10/10	100	
2	Ông Phan Hùng	Thành viên	01/01/2015	10/10	100	
3	Ông Lê Duy Diệp	Thành viên	01/01/2015	10/10	100	
4	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	01/01/2015	10/10	100	
5	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên	01/01/2015	10/10	100	
6	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên	01/01/2015	9/10	90	Vắng 1 buổi do bận công tác (có văn bản ủy quyền)
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	01/01/2015	10/10	100	



Trong năm 2017, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	11/01/2017	Nghị quyết V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 và phương hướng năm 2017.
2	02/NQ-HĐQT	14/03/2017	Nghị quyết V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
3	03/NQ-HĐQT	03/4/2017	Nghị quyết V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
4	04/NQ-HĐQT	10/4/2017	Nghị quyết V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú, thống nhất mẫu dấu đăng ký giấy phép kinh doanh.
5	06/NQ-HĐQT	18/4/2017	Nghị quyết V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD quý I/2017 và phương hướng, giải pháp thực hiện kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017.
6	07/NQ-HĐQT	12/7/2017	Nghị quyết V/v ký kết hợp đồng vay lại vốn vay ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.
7	08/NQ-HĐQT	20/7/2017	Nghị quyết V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng, giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017.
8	09/NQ-HĐQT	09/10/2017	Nghị quyết V/v chuyển giao các tuyến ống cấp nước trên địa bàn huyện Nhơn Trạch cho Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch (giá trị được thẩm định 179.080.780.000đ)
9	10/NQ-HĐQT	19/10/2017	Nghị quyết V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 9 tháng đầu năm 2017 và phương hướng, giải pháp thực hiện kế hoạch 3 tháng cuối năm 2017.
10	11/NQ-HĐQT	24/10/2017	Nghị quyết V/v chuyển giao trong năm 2017: các tuyến ống cấp nước sạch (bao gồm các loại đường ống có đường kính từ DN100 đến DN600 cùng các thiết bị và phụ kiện) trên địa bàn huyện Nhơn Trạch cho Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch (giá trị được thẩm định 56.516.070.000đ).
11	01/QĐ-HĐQT	03/01/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ Công ty đi công tác Hàn Quốc.
12	02/QĐ-HĐQT	03/01/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ Công ty đi công tác Nhật Bản.
13	03/QĐ-HĐQT	06/01/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhân viên CNCN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất.
14	04/QĐ-HĐQT	16/02/2017	Quyết định V/v thực hiện lương cán bộ quản lý điều hành năm 2017 – Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.



Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
15	05/QĐ-HĐQT	15/02/2017	Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
16	06/QĐ-HĐQT	15/02/2017	Quyết định V/v ban hành Quy định về trình tự, thủ tục xét công nhận sáng kiến tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
17	07/QĐ-HĐQT	21/2/2017	Quyết định V/v thành lập Hội đồng tư vấn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
18	08/QĐ-HĐQT	28/02/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhận viên P.TCKT Công ty đi tham quan, du lịch tại Nhật Bản.
19	09/QĐ-HĐQT	03/3/2017	Quyết định V/v củng cố, kiện toàn Ban phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
20	10/QĐ-HĐQT	17/3/2017	Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng.
21	11/QĐ-HĐQT	22/3/2017	Quyết định V/v ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, đào tạo, xét nâng lương và nâng bậc tay nghề của Người lao động tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
22	12/QĐ-HĐQT	12/4/2017	Quyết định V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
23	13/QĐ-HĐQT	04/4/2017	Quyết định V/v thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
24	14/QĐ-HĐQT	14/4/2017	Quyết định V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.
25	15/QĐ-HĐQT	10/4/2017	Quyết định V/v phê duyệt kế hoạch quỹ lương của Người quản lý và quỹ lương của Người lao động năm 2017.
26	16/QĐ-HĐQT	25/4/2017	Quyết định V/v thực hiện lương cán bộ quản lý điều hành năm 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
27	17/QĐ-HĐQT	04/5/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đi tham quan, du lịch tại Singapore.
28	18/QĐ-HĐQT	18/5/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho đoàn CB.CNV Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc (11/6/17 – 15/6/17).
29	19/QĐ-HĐQT	18/5/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho đoàn CB.CNV Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc (18/6/17 – 22/6/17).
30	20/QĐ-HĐQT	26/5/2017	Quyết định cho đoàn CB.CNV Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh đi tham quan, du lịch Thái Lan.
31	21/QĐ-HĐQT	02/6/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan, du lịch tại Thái Lan.

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
32	22/QĐ-HĐQT	02/6/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhân viên Phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan, du lịch tại Malaysia – Singapore.
33	23/QĐ-HĐQT	08/6/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhân viên P.TCHC đi tham quan du lịch Singapore.
34	24/QĐ-HĐQT	13/6/2017	Quyết định V/v chi thưởng cho người quản lý Công ty.
35	25/QĐ-HĐQT	19/6/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho đoàn CB.CNV Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh đi tham quan, du lịch Thái Lan.
36	26/QĐ-HĐQT	22/6/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh đi tham quan du lịch, tại Singapore – Malaysia.
37	27/QĐ-HĐQT	28/7/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn tại Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai tham dự Hội thảo triển lãm WATER - 2017 tại ISRAEL.
38	28/QĐ-HĐQT	07/8/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho nhân viên CNCN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Thái Lan.
39	29/QĐ-HĐQT	31/8/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ CNCN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Singapore – Malaysia.
40	30/QĐ-HĐQT	01/9/2017	Quyết định V/v duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 1) công suất 100.000 m ³ /ngày.
41	31/QĐ-HĐQT	10/10/2017	Quyết định V/v ban hành Quy định quản lý việc đi nước ngoài của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
42	32/QĐ-HĐQT	18/10/2017	Quyết định V/v kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
43	33/QĐ-HĐQT	24/10/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan, du lịch tại Maldives.
44	34/QĐ-HĐQT	08/11/2017	Quyết định V/v chấp thuận cho cán bộ Công ty đi tham quan nhà máy sản xuất thiết bị ngành nước và xử lý nước của Công ty Hydro Instruments tại Mỹ.



Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo, và đưa ra các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện. Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ được một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng. Công tác giám sát các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty được HĐQT thực hiện chặt chẽ và sát sao. Bên cạnh đó, HĐQT đã triển khai thực hiện Quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2016, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đề ra. HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.
- Hàng quý, Giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

**Thành viên Ban Kiểm soát**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Nguyễn Tấn Dũng	Nguyên Trưởng ban
2	Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
3	Phan Thùy Đoan	Thành viên
4	Tăng Tố Vân	Thành viên

Sự thay đổi nhân sự trong năm 2017

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	01/01/2015	14/04/2017
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	14/04/2017	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tiến hành các cuộc giám sát cụ thể như sau:

Giám sát tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá sự tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc nhằm phục vụ cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty tổ chức vào ngày 14/4/2017 theo đúng trình tự và quy định.

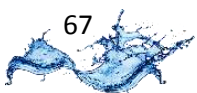
Giám sát tình hình hoạt động quý I, II, III, IV năm 2017 của Công ty.

Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017.

Kiểm tra chuyên đề về lao động tiền lương, tình hình thực hiện nhiệm vụ đại diện vốn của Công ty tại Công ty CP cấp nước Long Khánh.

Kết quả đánh giá:

- ✓ Nhìn chung hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong năm 2017 được tiến hành một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- ✓ Đối với cổ đông của Công ty trong thời gian qua Ban Kiểm soát chưa nhận được yêu cầu kiểm tra từ phía cổ đông.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, nhờ đó nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tham gia ý kiến trong công tác lãnh đạo điều hành hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.
- Phối hợp trực tiếp với bộ phận tài chính kế toán trong việc rà soát các quy định pháp lý phục vụ cho việc ghi chép, lập các báo cáo tài chính một cách thận trọng và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng trong việc xây dựng các quy định nội bộ phù hợp với quy định hiện hành.
- Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp nghiêm túc, cung cấp hồ sơ đầy đủ kịp thời của các bộ phận quản lý có liên quan.

Hoạt động khác của BKS

Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp cho các nội dung:

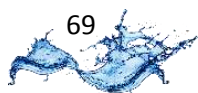
- Bầu Trưởng Ban kiểm soát sau khi thay đổi nhân sự.
- Phân công, phân nhiệm theo cơ cấu nhân sự mới.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
1 Hội đồng quản trị					
	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	854.462.000	87.000.000	
	Ông Phan Hùng	TVHĐQT, Giám đốc	782.522.000	86.000.000	72.000.000
	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	TVHĐQT, Phó giám đốc	655.544.250	66.000.000	72.000.000
	Ông Nguyễn Văn Bính	TVHĐQT, Phó giám đốc	622.890.000	66.000.000	72.000.000
	Ông Lê Duy Diệp	TVHĐQT, Phó giám đốc	625.890.000	66.000.000	72.000.000
	Ông Nguyễn Văn Thiên	TVHĐQT		30.000.000	72.000.000
	Ông Võ Văn Bình	TVHĐQT		30.000.000	72.000.000
2 Ban kiểm soát					
	Nguyễn Tấn Dũng (T1 đến T4)	Trưởng ban	181.587.000	42.000.000	
	Phạm Thị Hồng (T5 đến T12)	Thành viên	260.158.000		
	Phan Thuỳ Đoan	Thành viên		20.000.000	48.000.000
	Tăng Tố Vân	Thành viên		20.000.000	48.000.000
3 Ban điều hành					
	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	552.948.300	37.000.000	



Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người liên quan năm 2017

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/Cho/Tặng/Thừa kế, ...)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Tổ chức có 2 thành viên tham gia HĐQT: ông Nguyễn Văn Thiên, ông Võ Văn Bình.	16.110.833	Bán	330.000	15.780.833	Từ 26/04/17 đến 19/05/17

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Stt	Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch với Công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật D&B	Hợp đồng phát sinh: Mua hợp bảo vệ đồng hồ, phục vụ lắp đặt cho khách hàng.	Tổ chức có ông Võ Văn Bình TV.HĐQT Dowaco, giữ chức Chủ tịch HĐQT.



Các kế hoạch, công việc cụ thể để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

Hội đồng quản trị tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, như sau:

- Phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã đề ra.
- Định hướng trong việc bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn.
- Định hướng đầu tư, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác chống thất nước để mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Tiếp tục triển khai việc Khoán chi phí cho các đơn vị trực thuộc.
- Định hướng tập trung triển khai thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận có liên quan và đơn vị thi công, giám sát để thực hiện thi công các công trình cấp nước hoàn thành theo đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư các dự án.



Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2017, với việc ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017, Công ty đã có những thay đổi trong điều lệ cũng như các chính sách, tổ chức nguồn nhân lực nhằm đảm bảo việc quản trị Công ty luôn được theo đúng Pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





06

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017**

A background image showing a close-up of water splashing, with many small, clear droplets and bubbles. The water is a light blue color, and the overall scene is dynamic and refreshing.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên**

❖ **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 18.110 HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến mục 2.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 về việc các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 128.967.465.943 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.



(Handwritten signature in blue ink)

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 2820-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		512.840.516.679	523.108.921.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	149.819.830.928	169.631.427.514
1. Tiền	111		44.615.307.114	35.754.174.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.204.523.814	133.877.252.776
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.811.448.893	292.448.837.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	78.278.753.508	125.071.514.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	187.841.222.790	147.001.481.227
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	15.000.000.000	20.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.564.241.227	2.718.792.068
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.872.768.632)	(2.342.950.226)
III. Hàng tồn kho	140		52.002.047.706	43.265.148.148
1. Hàng tồn kho	141	4.7	52.002.047.706	43.265.148.148
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.207.189.152	17.763.507.911
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.464.119.138	16.647.726.973
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	9.042.275.471	364.137.856
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		700.794.543	751.643.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.189.188.441.863	2.899.680.141.129
I. Tài sản cố định	220		2.549.281.042.569	2.457.516.063.855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	2.221.901.946.391	2.124.685.129.467
Nguyên giá	222		3.756.872.352.631	3.476.000.727.125
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.534.970.406.240)	(1.351.315.597.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	327.379.096.178	332.830.934.388
Nguyên giá	228		354.283.857.290	352.012.261.906
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.904.761.112)	(19.181.327.518)
II. Bất động sản đầu tư	230		1.075.917.749	-
Nguyên giá	231		1.269.760.507	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(193.842.758)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		546.111.168.934	380.655.093.374
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	546.111.168.934	380.655.093.374
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.493.828.528	14.938.702.421
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	29.424.106.038	11.868.979.931
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	3.069.722.490	3.069.722.490
V. Tài sản dài hạn khác	260		60.226.484.083	46.570.281.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	59.836.895.508	45.977.937.310
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		389.588.575	592.344.169
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.702.028.958.542	3.422.789.062.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

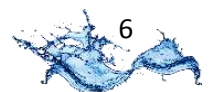
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.403.040.328.759	2.089.613.222.688
I. Nợ ngắn hạn	310		641.807.982.622	489.655.523.851
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	52.345.421.620	23.517.123.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	16.191.039.624	4.297.713.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	6.164.888.722	10.193.567.592
4. Phải trả người lao động	314	4.15	17.178.945.564	8.717.321.516
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	14.534.102.619	10.604.767.338
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	6.526.966.856	22.241.880.941
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	505.872.231.466	389.212.090.397
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	22.994.386.151	20.871.059.305
II. Nợ dài hạn	330		1.761.232.346.137	1.599.957.698.837
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	-	17.516.875.308
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.13	7.744.759.976	5.571.400.440
3. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	231.450.824.011	139.582.268.319
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	1.522.036.762.150	1.437.287.154.770
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.298.988.629.783	1.333.175.839.909
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20.1	1.298.758.039.301	1.332.263.458.555
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.764.721.167	18.764.721.168
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	13.109.346.750
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.20.5	38.143.019.993	35.102.584.628
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		173.931.442.798	227.094.395.612
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		131.366.894.183	157.674.748.991
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.564.548.616	69.419.646.621
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.935.927.943	102.428.176.497
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		230.590.482	912.381.354
1. Nguồn kinh phí	431		230.590.482	912.381.354
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.702.028.958.542	3.422.789.062.597



Phan Hùng
 Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thu Oanh
 Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Người lập biểu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	955.026.755.682	896.010.456.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		56.305.287	275.729.074
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		954.970.450.395	895.734.727.611
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	593.918.244.754	574.418.214.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		361.052.205.641	321.316.513.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.160.098.910	10.911.766.351
7. Chi phí tài chính	22	5.4	152.984.488.172	107.859.225.025
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>54.166.116.725</i>	<i>53.911.494.700</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		4.364.126.108	3.342.698.990
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	104.615.692.029	87.748.133.473
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	55.081.684.369	50.242.750.070
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.894.566.089	89.720.869.935
12. Thu nhập khác	31		4.939.785.230	2.342.072.042
13. Chi phí khác	32		5.171.016.276	767.406.318
14. Lợi nhuận khác	40		(231.231.046)	1.574.665.724
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.663.335.043	91.295.535.659
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	11.458.910.219	17.540.014.868
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		202.755.594	203.867.965
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.001.669.230	73.551.652.826
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		34.580.767.022	61.317.865.308
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.420.902.208	12.233.787.518
21. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.20.3	309	497



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.663.335.043	91.295.535.659
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	193.074.709.069	181.328.554.978
Các khoản dự phòng	03		529.818.406	(530.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		96.383.464.345	42.446.181.198
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.627.797.268)	(12.380.616.359)
Chi phí lãi vay	06	5.4	54.166.116.725	53.911.494.700
3. Lợi nhuận từ hoạt động	08		392.189.646.320	356.071.150.176
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.202.337.624	44.746.634.572
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.736.899.558)	(4.642.931.617)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(139.115.433.765)	(231.369.132.033)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(13.858.958.198)	(25.686.801.250)
Tiền lãi vay đã trả	14		(54.075.051.306)	(45.670.719.338)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.996.098.024)	(26.912.994.759)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.782.277.097	2.163.182.776
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.802.975.968)	(5.221.706.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		148.588.844.222	63.476.681.920
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(229.723.632.754)	(259.603.561.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.460.516.644	53.898.558.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.206.502.445	6.423.891.203
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(212.056.613.665)	(219.281.111.615)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		802.499.662.316	811.100.491.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(690.450.154.569)	(652.585.311.740)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.393.334.890)	(56.624.381.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.656.172.857	101.890.798.916
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(19.811.596.586)	(53.913.630.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		169.631.427.514	223.545.058.293
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	5.1	149.819.830.928	169.631.427.514

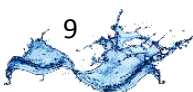


Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập biểu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)	Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng		1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

- Chi nhánh Quản lý Ghi thu;
- Chi nhánh cấp nước Tân Định;
- Chi nhánh cấp nước Thiện Tâm;
- Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc;
- Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch;
- Chi nhánh cấp nước Vĩnh An;
- Chi nhánh cấp nước Long Bình;
- Chi nhánh cấp nước Biên Hòa;
- Chi nhánh cấp nước Long Thành;
- Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú;
- Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2017 là 1.232 (31/12/2016 là: 1.111).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

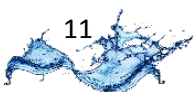
1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36%	36%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25%	25%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.6. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 128.967.465.943 VND. Nguyên nhân chính của việc các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là do việc trình bày lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn theo quy định. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

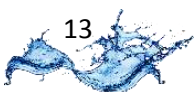
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.5. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| ▪ Tài sản cố định hữu hình khác | 10 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

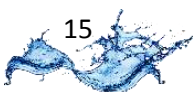
Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 04 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.9. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả chủ yếu là chi phí lãi vay được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

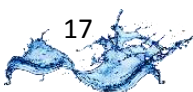
Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.



BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

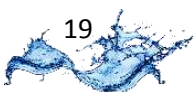
3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	248.965.461	320.656.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.366.341.653	35.433.518.121
Các khoản tương đương tiền	105.204.523.814	133.877.252.776
Cộng	149.819.830.928	169.631.427.514

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 5% đến 5,2%/năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	15.000.000.000	(41.117.881)	14.958.882.119	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	7.800.368.003	6.664.855.916	14.465.223.919	7.800.368.003	4.068.611.928	11.868.979.931
Cộng	22.800.368.003	6.623.738.035	29.424.106.038	7.800.368.003	4.068.611.928	11.868.979.931

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	(*)	-	1.039.722.490	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	2.030.000.000	-	2.030.000.000	2.030.000.000	-
Cộng	3.069.722.490		-	3.069.722.490		-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	24.723.643.674	33.624.598.807
Phải thu từ khách hàng khác	53.555.109.834	91.446.916.019
Cộng	78.278.753.508	125.071.514.826

4.4. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Kumho Industrial Co., Ltd	178.453.969.616	126.341.637.114
Các nhà cung cấp khác	9.387.253.174	20.659.844.113
Cộng	187.841.222.790	147.001.481.227

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay tín chấp đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai – Xem thêm mục 8. Khoản cho vay này có thời hạn 03 tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất là 7%/năm.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	3.262.024.569	389.255.937	2.342.950.226	-

Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản phải thu đã quá hạn từ lâu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.486.795.320	-	40.052.893.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.293.977.540	-	2.948.196.799	-
Công cụ, dụng cụ	221.274.846	-	240.756.846	-
Thành phẩm	-	-	23.300.661	-
Cộng	52.002.047.706	-	43.265.148.148	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	413.748.045.635	224.751.281.375
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2	53.976.161.709	16.217.321.384
Các dự án khác	78.386.961.590	139.686.490.615
Cộng	546.111.168.934	380.655.093.374



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	640.561.879.353	834.831.540.344	1.944.733.986.062	50.639.397.368	5.233.923.998	3.476.000.727.125
Mua trong kỳ	7.562.826.273	6.877.614.394	6.603.445.455	931.893.799	1.702.217.727	23.677.997.648
Đầu tư XDCB hoàn thành	53.135.203.249	44.032.538.885	163.512.556.590	-	726.233.523	261.406.532.247
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.334.556.501)	-	-	(2.334.556.501)
Phân loại lại	-	253.985.344	(253.985.344)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	(608.587.381)	-	-	(608.587.381)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.269.760.507)	-	-	-	-	(1.269.760.507)
Tại ngày 31/12/2017	699.990.148.368	885.995.678.967	2.111.652.858.881	51.571.291.167	7.662.375.248	3.756.872.352.631
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	291.763.310.073	354.455.424.413	688.534.331.261	13.825.159.930	2.737.371.981	1.351.315.597.658
Khấu hao trong kỳ	43.077.410.251	57.029.048.329	79.728.944.082	4.648.738.187	833.274.346	185.317.415.195
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.502.624.135)	-	-	(1.502.624.135)
Phân loại lại	-	6.047.270	(6.047.270)	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(159.982.478)	-	-	-	-	(159.982.478)
Tại ngày 31/12/2017	334.680.737.846	411.490.520.012	766.754.603.938	18.473.898.117	3.570.646.327	1.534.970.406.240
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	348.798.569.280	480.376.115.931	1.256.199.654.802	36.814.237.438	2.496.552.017	2.124.685.129.467
Tại ngày 31/12/2017	365.309.410.522	474.505.158.955	1.344.898.254.943	33.097.393.050	4.091.728.921	2.221.901.946.391

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình với số tiền là 2.101.382.272.151 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 293.637.571.617 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bản đồ VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2017	348.481.370.791	2.814.843.027	716.048.088	352.012.261.906
Mua trong kỳ	2.121.595.384	-	150.000.000	2.271.595.384
Tại ngày 31/12/2017	350.602.966.175	2.814.843.027	866.048.088	354.283.857.290
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2017	17.239.427.156	1.462.791.613	479.108.749	19.181.327.518
Khấu hao trong kỳ	7.523.198.040	62.024.660	138.210.894	7.723.433.594
Tại ngày 31/12/2017	24.762.625.196	1.524.816.273	617.319.643	26.904.761.112
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2017	331.241.943.635	1.352.051.414	236.939.339	332.830.934.388
Tại ngày 31/12/2017	325.840.340.979	1.290.026.754	248.728.445	327.379.096.178

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình với số tiền là 320.836.909.466 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.480.612.088 VND.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng	25.322.995.557	18.812.954.160
Chi phí sửa chữa cải tạo các công trình nhà cửa, kho bãi, các công trình khác	17.362.383.514	11.721.259.332
Chi phí sửa chữa cải tạo các hệ thống cấp nước và tuyên ống cấp nước	13.253.573.726	11.599.436.794
Các khoản khác	3.897.942.711	3.844.287.024
Cộng	59.836.895.508	45.977.937.310



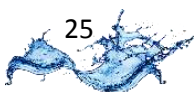
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.209.476.800	5.209.476.800	2.561.994.600	2.561.994.600
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	8.731.451.410	8.731.451.410	2.351.764.910	2.351.764.910
Phải trả cho các đối tượng khác	18.073.486.910	18.073.486.910	7.847.051.065	7.847.051.065
Phải trả cho các bên liên quan				
- Xem thêm mục 8	20.331.006.500	20.331.006.500	10.756.312.943	10.756.312.943
Cộng	52.345.421.620	52.345.421.620	23.517.123.518	23.517.123.518
Dài hạn:				
Phải trả cho người bán				
Nhà thầu Kumho Industrial	-	-	6.284.403.412	6.284.403.412
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	-	-	11.232.471.896	11.232.471.896
Cộng	-	-	17.516.875.308	17.516.875.308

4.13. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Xem thêm mục 8	1.274.776.693	-
Người mua trả tiền trước khác	14.916.262.931	4.297.713.244
Cộng	16.191.039.624	4.297.713.244
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Xem thêm mục 8	5.876.857.940	5.571.400.440
Người mua trả tiền trước khác	1.867.902.036	-
Cộng	7.744.759.976	5.571.400.440



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	664.019.703	1.059.423.161	577.526.398	-	182.122.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.042.275.471	614.279.442	11.458.910.219	25.996.098.024	364.137.856	6.473.329.632
Thuế thu nhập cá nhân	-	91.662.481	3.429.133.530	3.929.196.899	-	591.725.850
Thuế tài nguyên	-	703.688.053	8.485.781.755	8.385.620.244	-	603.526.542
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	432.204.144	880.845.972	448.641.828	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.659.034.899	31.973.377.191	30.657.204.920	-	2.342.862.628
Cộng	9.042.275.471	6.164.888.722	57.287.471.828	69.994.288.313	364.137.856	10.193.567.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

4.16. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	11.306.158.152	10.006.032.949
Các khoản trích trước khác	3.227.944.467	598.734.389
Cộng	14.534.102.619	10.604.767.338

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	230.206.100	176.390.500
Tiền nước chưa quyết toán	515.704.376	15.920.883.139
Phí bảo vệ môi trường	2.527.845.180	2.222.811.151
Kinh phí công đoàn	1.631.146.876	1.613.742.896
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.622.064.324	2.308.053.255
Cộng	6.526.966.856	22.241.880.941
Dài hạn:		
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd – Dự án Xây dựng nhà máy nước Thiện Tân giai đoạn 2	225.344.268.369	83.060.626.695
Phải trả ngân sách Nhà nước	-	37.661.623.300
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ còn phải trả – Xem thêm mục 8	-	8.641.828.689
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	2.953.802.978	2.201.215.415
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.247.752.664	6.111.974.220
Cộng	231.450.824.011	139.582.268.319

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vay

	Tại ngày 31/12/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	505.872.231.466	505.872.231.466	624.822.573.463	508.162.432.394	389.212.090.397	389.212.090.397
Vay dài hạn	1.522.036.762.150	1.522.036.762.150	277.874.284.635	193.124.677.255	1.437.287.154.770	1.437.287.154.770
Cộng	2.027.908.993.616	2.027.908.993.616	902.696.858.098	701.287.109.649	1.826.499.245.167	1.826.499.245.167
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
Vay ngắn hạn:						
				Lãi suất	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
					VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai				5,3%-7,0%/năm	163.977.702.242	110.954.808.691 (a)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam				6,0%/năm	-	19.878.800.283 (b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam				5,5%/năm – 7%/năm	106.990.920.718	95.240.206.237 (c)
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam				5,3%/năm – 5,5%/năm	9.474.647.359	3.270.081.981 (d)
Vay ngắn hạn của bên liên quan – Xem thêm mục 8				4,8%/năm	25.000.000.000	(e)
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Công Thương				8%/năm – 9%/năm	43.019.057.878	43.793.690.420 (f)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai				7,0%/năm – 8%/năm	11.509.400.000	16.218.042.000 (g)
Ngân hàng TMCP Á Châu				8%/năm	4.955.600.000	4.955.600.000 (k)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai				1,3%/năm – 3,53%/năm	134.951.736.601	88.936.694.117 (h)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				6,91%/năm – 7,21%/năm	1.157.166.668	1.157.166.668 (i)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam				7,5%/năm – 8,98%/năm	4.836.000.000	4.807.000.000 (j)
Cộng					505.872.231.466	389.212.090.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
VND	8%/năm – 9%/năm	138.035.397.695	160.937.791.448 (f)
VND	7,0%/năm – 8%/năm	76.676.299.896	37.078.211.566 (g)
VND	8%/năm	14.852.783.244	19.808.383.244 (k)
JPY, KRW	1,3%/năm – 3,53%/năm	1.198.998.798.878	1.167.212.699.607 (h)
VND	6,91%/năm – 7,21%/năm	4.050.083.330	5.207.249.998 (i)
VND	7,5%/năm – 8,98%/năm	35.064.818.907	47.042.818.907 (j)
JPY	0,97%/năm	54.358.580.200	- (l)
		1.522.036.762.150	1.437.287.154.770

Khoản vay dài hạn:

- Ngân hàng TMCP Công Thương
- Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai
- Ngân hàng TMCP Á Châu
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh

Cộng

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) và (f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
- Hệ thống cấp nước Thạnh Phú, Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
- Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
- Một phần nhà máy nước Nhơn Trạch Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m3/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa;
- Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m3/ ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai;
- 02 máy bơm dự phòng cho Xi nghiệp nước Thiện Tân;
- Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
- Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

(k) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m3/ngày, thuộc loại công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp III.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(h) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2.

(b), (c), (d), (e), (i), (j) và (l) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 2.101.382.272.151 VND và 320.836.909.466 VND - Xem thêm mục 4.9 và mục 4.10.

4.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2017	20.871.059.305
Trích trong kỳ	11.593.937.721
Chi trong kỳ	(9.470.610.875)
	22.994.386.151
Tại ngày 31/12/2017	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
	Vốn góp của chủ sở hữu Ngân đồng	Thặng dư vốn cổ phần Ngân đồng	Vốn khác của chủ sở hữu Ngân đồng	Quỹ đầu tư phát triển Ngân đồng	Chênh lệch đánh giá lại tài sản Ngân đồng	Chênh lệch tỷ giá Ngân đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Ngân đồng	Lợi ích có đóng kiểm soát Ngân đồng	Cộng Ngân đồng	
Số dư tại ngày 01/01/2016	1.000.000.000	18.240.361	-	36.030.010	(64.235.766)	179.486	238.905.951	101.659.993	1.330.780.035	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	61.317.865	12.233.788	73.551.653	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	13.109.347	(13.109.347)	-	-	-	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.181.922	-	-	(12.181.922)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.423.139)	(2.861.212)	(13.284.351)	
Tặng/Giảm khác	-	524.360	-	-	-	(179.486)	(50.000.000)	(8.604.392)	(58.604.392)	
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.000.000.000	18.764.721	13.109.347	35.102.585	(64.235.766)	-	227.094.395	102.428.176	1.332.263.458	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	34.580.767	13.420.902	48.001.669	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	13.109.347	(13.109.347)	-	-	-	-	-	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	16.149.782	-	-	(16.149.782)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.593.938)	(1.308.754)	(12.902.692)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(60.000.000)	(8.604.396)	(68.604.396)	
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.000.000.000	18.764.721	26.218.694	38.143.020	(64.235.766)	-	173.931.442	105.935.928	1.298.758.039	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.20.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	34.580.767.022	61.317.865.308
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.630.980.537)	(11.593.937.721)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	30.949.786.485	49.723.927.587
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	309	497

4.20.4. Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	600	500

4.20.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2017	35.102.584.628
Trích trong kỳ	16.149.782.115
Chuyển thành vốn góp của chủ sở hữu	(13.109.346.750)
Tại ngày 31/12/2017	38.143.019.993

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.440,81	5.472,26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

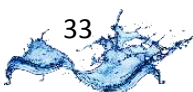
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp nước	894.298.947.243	843.497.246.447
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	60.727.808.439	52.513.210.238
Cộng	<u>955.026.755.682</u>	<u>896.010.456.685</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	139.035.230.958	130.397.365.500

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp nước	531.499.403.858	514.472.993.787
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	62.418.840.896	59.945.220.662
Cộng	<u>593.918.244.754</u>	<u>574.418.214.449</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.972.147.160	6.762.026.876
Cổ tức, lợi nhuận được chia	187.951.750	197.422.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.422.316.975
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	530.000.000
Cộng	<u>7.160.098.910</u>	<u>10.911.766.351</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	54.166.116.725	53.911.494.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.434.907.102	11.501.549.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	96.383.464.345	42.446.181.198
Cộng	<u>152.984.488.172</u>	<u>107.859.225.025</u>

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	41.562.295.122	29.922.413.992
Chi phí nhân viên	19.468.020.309	18.669.653.315
Các khoản chi phí bán hàng khác	43.585.376.598	39.156.066.166
Cộng	<u>104.615.692.029</u>	<u>87.748.133.473</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	35.248.523.230	31.904.193.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.937.528.290	2.718.041.824
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.895.632.849	15.620.514.523
Cộng	<u>55.081.684.369</u>	<u>50.242.750.070</u>

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.856.741.531	95.877.850.637
Chi phí nhân công	181.381.710.476	173.988.013.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.074.709.069	181.328.554.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.495.466.367	70.877.692.083
Chi phí khác bằng tiền	200.466.986.805	171.919.044.969
Cộng	<u>755.275.614.248</u>	<u>693.991.156.057</u>



1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty	59.663.335.043	91.295.535.659
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	6.021.038.417	7.097.565.179
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.002.733.387	709.000.000
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	68.687.106.847	99.102.100.838
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia của các Công ty trong Nhóm công ty	(11.392.555.750)	(11.402.026.500)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	57.294.551.097	87.700.074.338
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	11.458.910.219	17.540.014.868

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	802.499.662.316	811.100.491.909

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	690.450.154.569	652.585.311.740

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN***Theo lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, vì các báo cáo tài chính hợp nhất đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | Công ty liên kết |
| 3. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân | Công ty liên kết |
| 4. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp | Công ty cùng tập đoàn |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	13.803.337.692	22.734.513.275
Các công ty cùng tập đoàn	10.920.305.982	10.876.688.032
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	-	13.397.500
	24.723.643.674	33.624.598.807
Phải thu về cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Xem thêm mục 4.5	15.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Xem thêm mục 4.12	(20.331.006.500)	(10.756.312.943)
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(4.000.762.797)	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	(2.118.000.000)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(1.032.871.836)	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	-	(5.571.400.440)
	(7.151.634.633)	(5.571.400.440)
Cộng – Xem thêm mục 4.13		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả khác:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp – Xem thêm mục 4.17	-	(8.641.828.689)
Vay:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân – Xem thêm mục 4.18	(25.000.000.000)	-

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty cùng tập đoàn	128.066.133.549	124.857.367.707
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	10.809.459.452	5.391.406.293
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	134.599.775	148.591.500
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	25.038.182	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	<u>139.035.230.958</u>	<u>130.397.365.500</u>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	62.116.330.408	90.110.304.242
Các công ty cùng tập đoàn	10.528.221.828	23.838.842.497
Cộng	<u>72.644.552.236</u>	<u>113.949.146.739</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và thu nhập	5.492.954.550	4.631.823.000
THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY		
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	686.707.700	598.914.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2017 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)	
Tài sản cố định hữu hình	2.124.685.129.467	2.448.079.584.942	(*)
Tài sản cố định vô hình	332.830.934.388	7.072.962.226	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.193.567.592	9.720.864.254	(**)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	227.094.395.612	225.203.582.263	(**)
	Tại ngày 01/01/2016 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)	
Tài sản cố định hữu hình	2.203.866.141.765	2.536.811.628.996	(*)
Tài sản cố định vô hình	359.353.049.817	25.031.720.213	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.261.282.052	19.986.113.577	(**)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	238.905.951.364	237.805.277.466	(**)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)	
Giá vốn hàng bán	574.418.214.449	575.405.888.763	(**)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.540.014.868	17.342.480.005	(**)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.551.652.826	72.761.513.375	(**)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	497	542	(***)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2016 VND (Đã được báo cáo trước đây)	
Lợi nhuận trước thuế	91.295.535.659	90.307.861.345	(**)
Khấu hao TSCĐ	181.328.554.978	182.316.229.292	(**)

(*) Việc báo cáo lại số liệu so sánh này là do trình bày lại khoản chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án Cấp nước Nhơn Trạch từ Tài sản cố định hữu hình sang Tài sản cố định vô hình và kết chuyển các công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(**) Việc báo cáo lại số liệu so sánh này là do điều chỉnh hồi tố liên quan đến tính lại khấu hao tài sản cố định đã được tính chưa phù hợp khi được cổ phần hóa từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(***) Việc báo cáo lại số liệu so sánh này là do điều chỉnh số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được trích cho năm tài chính 2016 và việc điều chỉnh hồi tố nêu trên.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

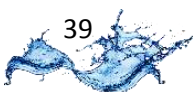
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Hùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Người lập





CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Phan Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 384 3316

Fax: (0251) 384 7149

Website: www.dowaco.vn